



# TĂNG CƯỜNG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC KĨ NĂNG MỀM CHO SINH VIÊN CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC

**ThS. ĐINH PHƯỚC TƯỜNG**

**Trưởng Cao đẳng Cộng đồng Vinh Long**

Hiện nay, nhiều sinh viên (SV) suy nghĩ rằng các nhà tuyển dụng sẽ ưu ái bằng cấp cao và kiến thức chuyên môn, bởi vậy họ đã xem nhẹ việc tự trau dồi kĩ năng mềm (KNM) cho bản thân. Sai lầm này khiến sau khi ra trường họ khó xin việc, phải mất khá nhiều thời gian chờ đợi, thậm chí phải đào tạo lại. Ngày nay, đất nước ta đang trong thời kì hội nhập kinh tế quốc tế, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, bởi thế rất cần người tài, cần nguồn nhân lực chất lượng cao, có trình độ và kĩ năng làm việc thành thạo. Những bậc thang thăng tiến trên con đường thành đạt của một con người phụ thuộc nhiều vào những KNM và kĩ năng nghề nghiệp mà thị trường lao động đang có nhu cầu.

## 1. Thực trạng về KNM của SV

Tháng 7/2014 vừa qua, chúng tôi đã tiến hành công tác khảo sát, nghiên cứu thực tiễn ở 6 trường đại học khu vực Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) gồm: Đại học Cần Thơ, Đại học Đồng Tháp, Đại học An Giang, Đại học Trà Vinh, Đại học Cửu Long, Đại học Xây dựng Miền Tây. Đối tượng khảo sát ở 6 trường bao gồm: 80 cán bộ quản lí (CBQL), 83 giảng viên (GV), 745 sinh viên (SV). Ngoài ra, chúng tôi cũng đã tiến hành khảo sát 106 cơ quan, công ty, doanh nghiệp khu vực ĐBSCL về vấn đề giáo dục KNM cho SV ở các trường đại học. Kết quả khảo sát thu được như sau:

*Bảng 1: Kết quả đánh giá KNM của SV theo từng nhóm đối tượng*

Đối tượng đánh giá KNM của SV	Kết quả đánh giá ở mức			
	Tốt (%)	Khá (%)	TB (%)	Yếu (%)
1. SV tự đánh giá KNM của bản thân	14,9	42,2	36,6	6,3
2. CBQL đánh giá KNM của SV	15,0	12,5	47,5	25,0
3. GV đánh giá KNM của SV	1,2	8,5	75,9	14,4
4. Cơ quan, doanh nghiệp đánh giá KNM của SV	8,6	28,2	58,3	4,9

Kết quả khảo sát cho thấy rằng KNM của SV các trường đại học khu vực ĐBSCL còn hạn chế; tính bình quân, theo đánh giá của CBQL, GV, SV, doanh nghiệp thì có đến 53,6% số người được khảo sát cho rằng KNM của SV còn ở mức trung bình và 7,4% cho rằng

ở mức yếu. Vấn đề đáng lưu ý trong kết quả khảo sát này là 57,1% SV tự đánh giá KNM của họ đạt mức khá và tốt, trong đó có 42,2% ở mức khá, rõ ràng SV chưa nhận ra được rằng bản thân họ đang bị hạn chế về KNM, nhiều SV vẫn còn chủ quan đánh giá rằng KNM đối với họ đã có sẵn, không cần thiết phải giáo dục, rèn luyện. Thực trạng này khiến cho SV chưa có ý chí quyết tâm và hành động thiết thực để tự rèn luyện, trang bị cho mình những KNM cần thiết, đáp ứng yêu cầu của công việc chuyên môn sau này.

*Bảng 2: Kết quả đánh giá, so sánh về năng lực chuyên môn và KNM của người lao động do các trường đại học khu vực ĐBSCL đào tạo*

Nhà sử dụng lao động đánh giá về năng lực chuyên môn và KNM của người lao động do các trường ĐH khu vực ĐBSCL đào tạo	Kết quả đánh giá ở mức			
	Tốt (%)	Khá (%)	TB (%)	Yếu (%)
1. Đánh giá về năng lực chuyên môn	11,3	70,8	16,0	1,9
2. Đánh giá về KNM	8,6	28,2	58,3	4,9

Các cơ quan, công ty, doanh nghiệp là những đơn vị trực tiếp sử dụng nguồn lao động do các trường đại học, cao đẳng khu vực ĐBSCL đào tạo đã đánh giá rằng KNM của người lao động chỉ đạt 50% so với năng lực chuyên môn, nghĩa là người lao động tuy có kiến thức chuyên môn, nhưng khoảng trống kĩ năng rất lớn. Chính do sự chênh lệch về kiến thức chuyên môn và KNM nên trong quá trình làm việc, người lao động chưa tương tác tốt với cấp trên, đồng nghiệp, và tất nhiên điều đó sẽ dẫn đến sự hạn chế về năng suất lao động. Thực trạng này phổ biến hầu như ở khắp nơi, từ cơ quan nhà nước, công ty nhà nước đến doanh nghiệp tư nhân và người lao động ở nhiều ngành nghề chuyên môn khác nhau.

## 2. Tăng cường quản lí hoạt động giáo dục KNM cho SV các trường đại học- sự cần thiết đối với giáo dục đại học trong giai đoạn hiện nay

Xuất phát từ thực trạng hiện nay nhiều SV còn hạn chế về KNM, chất lượng đào tạo nguồn nhân lực của các trường đại học chưa đáp ứng yêu cầu của nhà sử dụng lao động. Vì thế, tăng cường quản lí hoạt động giáo dục KNM ở các trường đại học hiện nay là việc làm rất cần thiết nhằm đáp ứng các vấn đề sau đây:

### **2.1. Đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục Việt Nam**

Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 của Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đã chỉ rõ: “Đổi mới mạnh mẽ nội dung giáo dục đại học và sau đại học theo hướng hiện đại, phù hợp với từng ngành, nhóm ngành đào tạo và việc phân tầng của hệ thống giáo dục đại học. Chú trọng phát triển năng lực sáng tạo, kĩ năng thực hành, đạo đức nghề nghiệp và hiểu biết xã hội, từng bước tiếp cận trình độ khoa học và công nghệ tiên tiến của thế giới”.

Như vậy, vấn đề phát triển kĩ năng cho người học đang được Đảng, Nhà nước hết sức quan tâm. Với định hướng này, các cơ sở giáo dục đều phải tận dụng mọi điều kiện và khả năng để tập trung công tác giáo dục, rèn luyện, phát triển kĩ năng và hiểu biết xã hội cho người học nhằm đáp ứng tốt hơn yêu cầu của xã hội đối với trình độ tay nghề và kĩ năng của lực lượng lao động sau khi tốt nghiệp đại học.

### **2.2. Đáp ứng yêu cầu phát triển nhân lực của nước ta hiện nay**

Để Việt Nam trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020, cần phải phát triển và nâng cao chất lượng nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao. Giáo dục KNM giữ một vai trò quan trọng trong đào tạo nguồn nhân lực cho đất nước. Các cơ sở giáo dục đại học phải đào tạo được nguồn nhân lực vừa có chuyên môn giỏi vừa có kĩ năng thực hành xã hội tốt để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao đối với lực lượng lao động trong bối cảnh công nghiệp hóa – hiện đại hóa đất nước, đồng thời còn hướng đến xuất khẩu nguồn lao động có chất lượng cho khu vực Đông Nam Á và trên thế giới.

### **2.3. Đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng GD đại học hiện nay**

Chất lượng giáo dục nói chung, chất lượng giáo dục đại học nói riêng hiện đang trở thành vấn đề quan tâm của toàn xã hội và của từng cơ sở giáo dục. Bởi vì, chất lượng giáo dục có ý nghĩa quyết định đối với chất lượng nguồn nhân lực. Không thể có nguồn nhân lực chất lượng cao khi chất lượng giáo dục, nhất là chất lượng giáo dục đại học còn nhiều hạn chế.

Để nâng cao chất lượng GD đại học cần thiết phải thực hiện đồng bộ các giải pháp, trong đó có giải pháp đẩy mạnh hoạt động giáo dục, rèn luyện và phát triển KNM cho SV các trường đại học.

Xu thế xã hội hóa giáo dục hiện nay sẽ tạo ra một cơ chế cạnh tranh về chất lượng GD giữa các cơ sở đào tạo. Cơ chế này phải được mọi tầng lớp nhân dân, mọi thành phần xã hội tham gia giám sát và thẩm định.

Khi đã tạo ra cơ chế cạnh tranh về chất lượng, xã hội sẽ tự động xác lập nên những “thương hiệu” đào tạo có uy tín, đồng thời sẽ đào thải những cơ sở đào tạo kém chất lượng. Vì thế, đào tạo nguồn lao động vừa có chuyên môn giỏi vừa có KNM tốt chính là mục tiêu và cũng là động lực để các trường đại học từng bước nâng cao chất lượng đào tạo SV, cung cấp sản phẩm tốt nhất theo yêu cầu khắt khe của xã hội.

### **2.5. Khắc phục những hạn chế trong công tác giáo dục KNM ở nước ta hiện nay**

Trong khi việc đào tạo KNM tại các trường đại học trên thế giới rất được chú trọng thì quá trình giảng dạy môn học này ở nước ta vẫn chưa thực sự được tiến hành. Có chăng cũng chỉ là trong một buổi ngoại khóa, nhà trường mời diễn giả tới phổ biến sơ lược kiến thức cho SV. Những buổi học như vậy chỉ đáp ứng được nhu cầu rất nhỏ của SV, trong khi những nội dung của môn học này còn rất mới mẻ với các bạn. Những SV du học nước ngoài khi về nước có khả năng lãnh đạo và làm việc nhóm nổi bật hơn nhiều so với các bạn được đào tạo trong nước. Điều đó cho thấy, khi được thay đổi phương pháp giáo dục thì SV Việt Nam có thể phát triển tốt hơn các thế mạnh về tư duy, sáng tạo và sự năng động của mình. Việc lồng ghép giáo dục KNM trong các môn học chưa được triển khai. Nhiều ý kiến của các nhà sử dụng lao động cho rằng trách nhiệm đào tạo KNM trước tiên là của nhà trường. Tuy nhiên, hiện nay SV chủ yếu tích lũy KNM ở các chương trình ngoại khóa và hoạt động tình nguyện. Mặc dù các trường đều có chuẩn đầu ra về KNM nhưng việc đưa nội dung đó vào chương trình chính khóa là rất khó khăn hoặc thiếu hiệu quả vì thời lượng quá ít. Tuy nhiên, việc theo học các khóa KNM không phải là điều dễ dàng đối với SV do thời gian hạn hẹp và học phí cao.

Do đó, tăng cường quản lí hoạt động giáo dục KNM cho SV ở các trường đại học có thể khắc phục được những hạn chế trong khâu tổ chức, quản lí và quá trình triển khai hoạt động giáo dục KNM ở nước ta hiện nay.

### **3. Nội dung quản lí hoạt động giáo dục KNM ở các trường đại học hiện nay**

- *Quản lí việc xây dựng chuẩn đầu ra cho chương trình đào tạo ở các trường đại học:* Xây dựng chuẩn đầu ra là để hướng đến chất lượng sản phẩm đào tạo của các trường đại học. Chuẩn đầu ra phải tính đến yếu tố KNM của SV phải đạt ở mức nào để đáp ứng được yêu cầu của xã hội. Các trường khi xây dựng chuẩn đầu ra cho mỗi chương trình đào tạo phải nêu chi tiết các yêu cầu về kĩ năng nghề nghiệp và KNM đối với SV; cần chủ động xây dựng và bổ sung môn



học KNM, các giải pháp tích hợp KNM phù hợp với chuẩn đầu ra và mục tiêu đào tạo của ngành. Kết hợp với việc hoàn thiện chương trình đào tạo phù hợp phương thức đào tạo theo tín chỉ ở các trường đại học hiện nay.

- *Quản lý việc xây dựng chương trình và triển khai dạy KNM cho SV tại các trường đại học:* Những môn học KNM được thiết kế giảng dạy, học tập phù hợp với các yêu cầu về tổ chức môn học và đảm bảo đúng Quy chế đào tạo của mỗi trường. Việc đào tạo KNM kết hợp với giảng dạy các môn học chuyên môn và hướng dẫn thực tập, thực tế của một chương trình đào tạo cần được quy định cụ thể trong yêu cầu và tổ chức thực hiện những môn học này.

- *Quản lý việc chăm lo xây dựng năng lực và trách nhiệm đội ngũ giảng viên các trường đại học:* Chất lượng đội ngũ GV các trường đại học là nhân tố rất quan trọng trong việc nâng cao chất lượng giáo dục KNM cho SV. Đội ngũ GV chính là người vừa dạy chuyên môn vừa kết hợp lồng ghép giáo dục KNM cho SV, giúp SV rèn luyện và phát triển KNM ngay trong quá trình đào tạo ở trường.

- *Quản lý các hoạt động phong trào, hoạt động ngoại khóa ở các trường đại học hướng đến giáo dục KNM cho SV:* Các trường đại học cần chú ý quan tâm mục đích, hiệu quả các hoạt động phong trào của trường phải hướng đến giáo dục KNM cho SV. Khi tổ chức các hoạt động phong trào, ngoại khóa, người tổ chức phải thấy được tính hiệu quả của các hoạt động này đối với SV như thế nào.

- *Quản lý việc huy động và tổ chức các lực lượng giáo dục cùng tham gia xây dựng môi trường GD KNM cho SV:*

+ Xây dựng môi trường giáo dục KNM cho SV ngay trong các trường đại học, cụ thể như tích hợp hoạt động giáo dục KNM trong giờ giảng trên lớp của giảng viên, tổ chức các hoạt động phong trào, hoạt động ngoại khóa, môi trường sống và sinh hoạt trong khu kí túc xá SV, v.v...

+ Xây dựng môi trường giáo dục KNM cho SV tại các cơ quan, công ty, doanh nghiệp để SV trực tiếp rèn luyện, phát triển KNM cần thiết đáp ứng cho yêu cầu công việc sau khi tốt nghiệp.

+ Xây dựng môi trường giáo dục KNM cho SV tại các trung tâm huấn luyện, đào tạo KNM để các trung tâm này thật sự là nơi SV học tập và rèn luyện KNM có chất lượng, đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn công việc.

- *Quản lý việc huy động và tổ chức các lực lượng xã hội tham gia vào đa dạng hóa các loại hình, các hình thức tổ chức hoạt động giáo dục KNM:* Bằng cơ chế và

chính sách tạo điều kiện và khuyến khích các cá nhân và các lực lượng xã hội tham gia xây dựng các cơ sở giáo dục KNM ngoài công lập. Các lực lượng xã hội còn có vai trò rất quan trọng trong việc tổ chức các lớp huấn luyện KNM tại các trung tâm, các cơ quan, công ty, doanh nghiệp, v.v... Trên cơ sở đó, SV vừa có thể thực tập chuyên môn vừa kết hợp tự rèn luyện KNM cần thiết cho bản thân.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2013), *Quyết định số 3704/QĐ-BGDĐT ngày 10 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình hành động thực hiện Chiến lược phát triển thanh niên Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020 của ngành giáo dục.*
2. Biggs J. (2003), *Teaching for Quality Learning At University*, 2nd ed., The Society for Research into Higher Education and Open University Press, Berkshire, England.
3. Bonwell C. C., and Eison J. A. (1991), *Active Learning: Creating Excitement in the Classroom*, ASHE-ERIC Higher Education Report No. 1, George Washington University School of Education and Human Development, Washington, DC.
4. Chính phủ (2011), *Quyết định số 2474/QĐ-TTg ngày 30/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chiến lược phát triển thanh niên Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020.*
5. Chính phủ (2012), *Quyết định số 711/QĐ-TTg ngày 13/6/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chiến lược phát triển giáo dục 2011 - 2020.*
6. Đảng Cộng sản Việt Nam (2013) *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.*
7. Trần Khánh Đức (2010), *Giáo dục và phát triển nguồn nhân lực trong thế kỷ XXI*. NXB Giáo dục Việt Nam.

### SUMMARY

*On the basis of investigation and survey of the real status of students' soft-skills education at 6 universities and 106 agencies, companies, enterprises in the Mekong Delta region, the author concluded that students' soft-skills are limited, do not meet employers' requirement. Thus, it is necessary for us to enhance the management of students' soft-skills at current higher education institutions.*